

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 1814/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 03 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 Khu dân cư theo quy hoạch 92,2 ha tại xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2086/TTr-SXD ngày 29 tháng 4 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 Khu dân cư theo quy hoạch 92,2ha tại xã Long Đức, huyện Long Thành với các nội dung như sau:

1. Vị trí và phạm vi giới hạn: Xác định theo Sơ đồ vị trí khu đất số 951/2020 tỷ lệ 1/2.000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 17/02/2017, phạm vi giới hạn như sau:

- Phía Bắc : Giáp đường đất và kết nối bằng đường dân sinh hiện hữu;
- Phía Nam : Giáp đường đất kết nối với các dự án khác;
- Phía Đông : Giáp dự án khác và kết nối bằng đường đất rộng khoảng 6m;
- Phía Tây : Giáp đường Khu 14 và khu dân cư hiện hữu.

2. Quy mô lập quy hoạch:

a) Diện tích khu đất quy hoạch khoảng: 922.154 m².

b) Dân số dự kiến: khoảng 16.100 người.

c) Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/500.

3. Tính chất, mục tiêu:



a) Xây dựng một Khu dân cư phù hợp quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Long Đức đáp ứng nhu cầu về nhà ở với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội được xây dựng mới và hoàn chỉnh với vai trò, tính chất, quy mô, cơ cấu phân khu chức năng sử dụng đất, tổ chức không gian quy hoạch cảnh quan kiến trúc theo định hướng tiêu chuẩn đô thị loại V.

b) Đề xuất các giải pháp quy hoạch phục vụ cho nhu cầu đầu tư cụ thể của Nhà đầu tư, đảm bảo phù hợp với chiến lược và cấu trúc phát triển chung, đảm bảo khớp nối về mặt tổ chức không gian và hạ tầng kỹ thuật giữa khu vực lập quy hoạch và khu vực lân cận, đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả và bền vững.

c) Xác lập cơ sở cho Chủ đầu tư tiến hành triển khai các bước tiếp theo của dự án theo đúng quy định và là cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng theo quy hoạch.

4. Các chỉ tiêu áp dụng: Tuân thủ các quy định theo quy chuẩn, quy phạm Việt Nam hiện hành, áp dụng các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật như sau:

a) Chỉ tiêu sử dụng đất:

- Đất ở : 25 - 28 m²/người;
- Đất công trình giáo dục : $\geq 2,7$ m²/người;
- Đất công trình dịch vụ : $\geq 1,5$ m²/người;
- Đất cây xanh - thể dục thể thao : ≥ 2 m²/người;
- Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật: ≥ 18 m²/người.

b) Chỉ tiêu mật độ, tầng cao, chỉ giới xây dựng:

- Mật độ xây dựng toàn khu: $\leq 50\%$.
- Nhà ở riêng lẻ (nhà ở liên kế, nhà liên kế vườn):
 - + Mật độ xây dựng: 60 - 80%;
 - + Tầng cao xây dựng: 02 - 05 tầng.
- Công trình công cộng và dịch vụ hỗn hợp:
 - + Mật độ xây dựng: 40 - 50%;
 - + Tầng cao xây dựng: 02 - 04 tầng.
- Công trình hỗn hợp, dịch vụ tầng cao xây dựng:
 - + Mật độ xây dựng: 40 - 50%;
 - + Tầng cao xây dựng: 03 - 25 tầng (chưa bao gồm tầng hầm 01 - 03 tầng).
- Chỉ giới xây dựng:
 - + Nhà ở: Tùy theo từng tuyến đường và loại hình nhà ở khoảng lùi trước từ 0 m tới 4 m; lùi sau $\geq 1,5$ m;
 - + Công trình công cộng và hỗn hợp - dịch vụ: Khoảng lùi ranh đất tối thiểu ≥ 06 m.

c) Chỉ tiêu hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt : ≥ 120 lít/người/ngày;
- Tiêu chuẩn thoát nước thải : 90% lượng nước cấp sinh hoạt;
- Tiêu chuẩn cấp điện : 03 - 05 Kwh/hộ/ngày;
- Chỉ tiêu rác thải : 1,5 kg/người/ngày;

- Thuê bao điện thoại cố định : 01 thuê bao/02 người;
 - Thuê bao internet có dây : 01 thuê bao/01 hộ;
 - Thuê bao truyền hình cáp : 01 thuê bao/01 hộ;
 - Mạng thông tin di động đảm bảo phủ sóng toàn bộ khu vực quy hoạch.
5. Quy hoạch sử dụng đất, phân khu chức năng, chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

a) Quy hoạch sử dụng đất:

TT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất ở	465.687	50,5
1	Đất nhà ở liền kề	413.759	
2	Đất nhà ở biệt thự	51.928	
II	Đất giáo dục	50.718	5,5
III	Đất dịch vụ đô thị	23.053	2,5
1	Đất y tế	8.713	
2	Đất công trình thương mại, dịch vụ	14.340	
IV	Đất cây xanh, TDTT	71.924	7,8
1	Đất cây xanh	42.652	
2	Đất công viên trung tâm	29.272	
V	Đất giao thông, HTKT	310.772	33,7
	Đất hạ tầng (trạm xử lý nước thải)	1.447	
	Đất giao thông	309.325	
	Tổng diện tích đất	922.154	100,00

b) Quy hoạch phân khu chức năng:

Dự án với tổng diện tích khoảng 922.154m² được phân thành các khu chức năng chính sau:

- Nhà ở: Diện tích khoảng 465.687 m² gồm 02 loại hình: Nhà liền kề và Biệt thự; trong đó:

+ Đất nhà ở liền kề (ký hiệu LK1 ÷ LK69B): Diện tích khoảng 413.759 m² gồm 3.784 lô. Chiều cao tầng 3 - 4 tầng, mật độ xây dựng ≤ 80%

+ Đất nhà ở biệt thự (ký hiệu BT1 ÷ BT08): Diện tích khoảng 51.928 m² gồm 242 lô. Chiều cao tầng 2 - 3 tầng, mật độ xây dựng 60-75%.

- Đất giáo dục: Diện tích khoảng 50.759 m², gồm: Trường mầm non; tiểu học; trung học cơ sở (ký hiệu TH1 ÷ TH4): Mật độ xây dựng ≤ 40%, chiều cao ≤ 3 tầng.

- Đất dịch vụ đô thị: Diện tích quy hoạch khoảng 23.068 m², gồm:

+ Đất Y tế (ký hiệu lô YT-01): Diện tích 8.728 m², mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao trung bình ≤ 3 tầng.

+ Công trình thương mại dịch vụ (ký hiệu lô TM-01): Diện tích 14.340 m², mật độ xây dựng ≤ 60%, tầng cao trung bình ≤ 5 tầng.

- Đất cây xanh: Tổng diện tích 71.924 m², gồm:

+ Đất khu cây xanh – TĐTT phục vụ cư dân tại dự án và cây xanh cảnh quan trục đường (ký hiệu CX1 ÷ CX16), diện tích 42.652 m².

+ Đất cây xanh tổ chức thành công viên trung tâm phục vụ dân cư tại dự án và dân cư các khu vực lân cận (ký hiệu CV-01), diện tích 29.272 m².

- Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật (Trạm xử lý nước thải ký hiệu lô HTKT-01): Diện tích 1.432 m², mật độ xây dựng ≤ 60%, tầng cao xây dựng 01 tầng.

- Đất giao thông: Tổng diện tích 309.325,87 m² gồm các tuyến đường giao thông nội bộ kết nối các khu chức năng của dự án và các tuyến đường Khu vực mang tính chất đối ngoại kết nối dự án với các khu vực khác.

c) Các chỉ tiêu Quy hoạch - Kiến trúc:

TT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Tầng cao (tầng)	Mật độ xây dựng (%)	Số lô (lô)
I	Đất ở		465.687			4026
1	Nhà ở liền kề	LK	413.759	3-4	80	3,784
2	Đất ở biệt thự	BT	51.928	2-3	50	242
II	Đất giáo dục		50.718	3-4	10	
1	Đất trường mẫu giáo	TH-01	11.209	2-3	40	1
2	Đất trường trung học cơ sở	TH-02	13.181	3-4	40	1
3	Đất trường tiểu học	TH-03	16.901	3-4	40	1
4	Đất trường mẫu giáo	TH-04	9.427	2-3	40	1
III	Đất dịch vụ đô thị		23.053			
1	Đất Y tế	YT-01	8.713	3	40	1
2	Đất Thương mại dịch vụ	TM-01	14.340	5	60	1
IV	Đất cây xanh - TĐTT		71.924	1	5	
1	Đất cây xanh		42.652	1	5	
2	Đất công viên		29.272	1	5	
1	Công viên trung tâm	CV-01	29.272	1	25	1
VI	Đất giao thông - HTKT		310.772			
1	Đất trạm xử lý nước thải	KT-01	1.447	1	60	1
2	Đất giao thông		309.325			
	Tổng diện tích đất		922.154			

6. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan - thiết kế đô thị:

a) Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Khu dân cư 92,2 ha tại xã Long Đức, huyện Long Thành được tổ chức quy hoạch không gian đồng bộ, phối kết cảnh quan kiến trúc và cảnh quan tự nhiên của khu vực.

- Khu vực trung tâm kết nối với trục đường chính trục Bắc Nam, trọng tâm khu ở là khu công viên quảng trường kết hợp dịch vụ công cộng đô thị như giáo dục, vườn hoa, thể dục thể thao, các khu nhà phố thương mại bao quanh. Cụm trường học, công viên tạo điểm nhấn cho khu vực và kết nối trực tiếp với trục đường chính Bắc Nam.

- Bên cạnh đó, các tổ hợp khối hoặc các công trình riêng lẻ trong mỗi khu chức năng có sự gắn kết với nhau tạo nên các trục ảo bằng cảnh quan sân vườn, giao thông nội bộ, hình thức mái...

b) Thiết kế đô thị:

- Các điểm nhấn: Khu công viên trung tâm với hồ nước nằm ở phía tây. Kết hợp với cây xanh, hồ nước công viên giúp cải thiện vi khí hậu. Ngoài ra, ở đây có bố trí sân khấu ngoài trời ở trên nước có thể là nơi tổ chức các sự kiện văn hóa nghệ thuật phục vụ cư dân.

- Các tuyến cảnh quan đô thị: Đường D1, N1, D6 kết nối các khu chức năng chính như thương mại, khu trung tâm quảng trường vui chơi giải trí..

- Chiều cao xây dựng công trình :

- + Nhà ở riêng lẻ : ≤ 20 m;
- + Các công trình công cộng : ≤ 25 m;
- + Công trình dịch vụ hỗn hợp : ≤ 100 m.

- Khoảng lùi công trình trên từng đường phố, nút giao thông

+ Nhà ở tùy theo từng tuyến đường khoảng lùi trước từ $0 \text{ m} \div 4,0 \text{ m}$, khoảng lùi sau $> 1,5 \text{ m}$.

+ Công trình công cộng và hỗn hợp - dịch vụ: Khoảng lùi ranh đất tối thiểu 6m.

- Hình khối, màu sắc, hình thức kiến trúc chủ đạo của các công trình kiến trúc:

+ Công trình nhà ở riêng lẻ: Phong cách kiến trúc hiện đại, hình khối khỏe khoắn (sử dụng tương phản vật liệu) kết hợp mái dốc. Sử dụng vật liệu bê tông, kính và các vật liệu thân thiện môi trường như đá ong, đá tự nhiên. Màu sắc công trình: Với màu sắc nhẹ nhàng, tạo các điểm nhấn màu trên các mặt đứng chính công trình.

- Công trình giáo dục, công trình dịch vụ đô thị: Tổ chức thiết kế công trình có sân chơi, có nhiều không gian mở. Cây xanh đạt tối thiểu 20%, tổ chức sân, bãi đậu xe và thiết kế lối vào hợp lý. Loại hình kiến trúc đặc trưng, có tính riêng biệt. Màu sắc công trình: Với màu sắc nhẹ nhàng, tạo các điểm nhấn màu trên các mặt đứng chính công trình. Sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường và đạt các yêu cầu tiêu chí về kiến trúc xanh.

- Công trình thương mại dịch vụ: Màu sắc công trình sử dụng gam màu sáng, sống động. Hình thức kiến trúc sử dụng mảng khối lớn, có bố cục và ngôn ngữ kiến trúc hiện đại, các công trình xây dựng phải có bãi đỗ xe.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) San nền và thoát nước mưa:

- Thiết kế san nền theo phương pháp đường đồng mức thiết kế, độ dốc mái nền thiết kế $i = 0,004$, đảm bảo thoát nước tự chảy.

- Hệ thống thoát nước mưa bố trí dọc theo trục đường giao thông, các tuyến thoát nước mưa bố trí dưới vỉa hè, dưới đường dọc theo các trục đường, sử dụng cống từ D.400 đến D.2500 và cống hộp, độ dốc $i \geq 1/D \%$.

- Các cống qua đường đặt cống tải trọng cao, cống trên vỉa hè đặt cống tải trọng tiêu chuẩn, nối cống theo phương pháp ngang đỉnh cống.

b) Giao thông:

- Đường khu vực:

+ Đường D1 (mặt cắt 1-1): Lộ giới 34,0 m (lòng đường 24,0 m bao gồm cây xanh cảnh quan giữa trục đường 4,0 m; vỉa hè hai bên $2 \times 5,0$ m).

+ Đường N1 (mặt cắt 5-5): Lộ giới 26,0 m (lòng đường 12,0 m; vỉa hè hai bên $2 \times 7,0$ m).

- Đường phân khu vực:

+ Mặt cắt 2-2: Lộ giới 20,0 m (lòng đường 14,0 m; vỉa hè hai bên $2 \times 3,0$ m).

+ Mặt cắt 3-3: Lộ giới 16,0 m (lòng đường 10,0 m; vỉa hè hai bên $2 \times 3,0$ m).

+ Mặt cắt 3'-3': Lộ giới 16,0 m (lòng đường 8,0 m; vỉa hè hai bên $2 \times 4,0$ m).

- Đường nhóm nhà ở, đường vào nhà:

+ Mặt cắt 4-4: Lộ giới 13,0 m (lòng đường 7,0 m; vỉa hè hai bên $2 \times 3,0$ m).

c) Quy hoạch thệ thống cấp nước:

- Nguồn nước được đầu nối từ tuyến DN500 dọc đường Quốc lộ 51.

- Mạng lưới cấp nước được cấp theo kiểu hỗn hợp: mạng vòng cho các tuyến ống chính và nhánh cụt cho các tuyến nhánh phụ để đảm bảo cho áp lực nước sinh hoạt và chữa cháy. Vật liệu và tiết diện ống cấp nước được sử dụng ống với tiết diện ống D50 ÷ D200 và D250.

- Trên mạng cấp nước có bố trí các trụ cứu hoả đặt tại ngã 3, ngã 4 để thuận lợi cho việc cấp nước chữa cháy. Khoảng cách bình quân khoảng 150m/Trụ.

- Tổng nhu cầu dùng nước là 4.440,3 m³/ng.đ.

b) Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Hệ thống thoát nước thải được xây dựng độc lập với hệ thống thoát nước mưa. Hướng thoát nước thải chính là từ phía Đông về phía Tây, bám sát theo hướng dốc san nền chính của dự án thu gom về trạm xử lý nước thải tại khu đất hạ tầng kỹ thuật.

- Hệ thống thoát nước riêng sử dụng các loại cống D150, D300, D400, D500 và D600 nhằm thu gom nước thải vào bể xử lý nước thải từ trạm bơm chìm $Q = 100 \text{ m}^3/\text{h}$, $H = 15 \text{ m}$.

- Đường ống thoát nước thải được đặt trên vỉa hè. Độ sâu chôn ống ban đầu là $\geq 0,7 \text{ m}$. Vận tốc nước thải chảy trong cống phải đạt $\geq 0,7 \text{ m/s}$.

- Hệ thống thoát nước thải sử dụng cống bê tông cốt thép đường kính D150, D300, D400 ống áp lực D150, D200 độ dốc $i \geq 1/D\%$ dẫn ra hướng thoát về Khu

xử lý nước thải tập trung trong khu đô thị. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý đạt theo quy định QCVN 14:2008/BTNMT xả ra nguồn.

- Rác thải: Ký hợp đồng với đơn vị Dịch vụ môi trường đô thị thu gom hàng ngày và đưa đi xử lý bằng xe chuyên dùng tại bãi xử lý theo quy hoạch chung.

- Nghĩa trang: Sử dụng theo quy hoạch chung của huyện Long Thành.

c) Quy hoạch hệ thống điện:

- Nguồn cấp điện: Khu quy hoạch được định hướng cấp nguồn từ trạm điện ở phía Tây Nam gần khu vực dự án.

- Trạm biến áp: Xây dựng mới 09 TBA cấp điện cho toàn bộ dự án với tổng công suất trạm là 15.720 kVA. Trạm biến áp sử dụng mức điện áp là 22KV. Các trạm biến áp được đặt kết hợp trong các ô đất cây xanh vườn hoa hoặc trong khuôn viên của các công trình. Hình thức xây dựng trạm biến áp áp dụng theo kiểu kín (trạm xây hoặc kios hợp bộ) cửa trạm quay ra ngoài.

- Lưới trung thế: Lưới điện trung thế sử dụng cáp ngầm 22KV cách điện Cu-XLPE/PVC/DSTA/PVC, luồn trong ống nhựa cứng HDPE, chạy dưới vỉa hè cấp đến các trạm biến áp.

- Lưới hạ thế có cấp điện áp 380/220V đi ngầm, cấp từ trạm biến áp đến tủ điện tổng của từng công trình. Tủ điện tổng này có thể đặt bên trong công trình hoặc ngoài trời, trên vỉa hè, tại ranh giới giữa 2 công trình (cấp cho khu nhà thấp tầng, quy mô từ 4 - 8 hộ/1 tủ phân phối).

- Hệ thống cáp hạ thế sử dụng loại cáp lõi đồng cách điện XLPE/PVC 0,6 – 1kV chôn ngầm đi dưới vỉa hè và lòng đường.

- Từ các trạm biến áp có các lộ hạ thế 0,4kV cấp điện chiếu sáng cảnh quan và chiếu sáng đường phố.

d) Thông tin liên lạc:

- Tổng nhu cầu sử dụng thông tin liên lạc dự kiến là 8.534 line tín hiệu. Nguồn cấp thông tin liên lạc cho khu vực dự án được cấp từ mạng lưới thông tin liên lạc của khu vực. Xây dựng mạng lưới cáp quang, tủ phối cáp tổng, hộp cáp chờ đầu nối hộ gia đình.

- Đầu tư xây dựng mới các tuyến cống bê trong khu vực: tất cả các tuyến cống bê có dung lượng là 1-3 ống PVC $\Phi 110$ được đi trong rãnh kỹ thuật. Khoảng cách các bê cáp trung bình từ 70 m đến 120 m.

- Ngoài ra lắp đặt thêm 2 ống $\Phi 32 \times 3$ mm đi dưới phần hoàn thiện của vỉa hè từ bê cáp đưa tới tận công trình (1 ống dùng cho điện thoại, 1 ống dùng cho truyền hình, internet).

- Mạng di động: Hệ thống thông tin di động cung cấp dịch vụ băng rộng 3G, 4G và định hướng mạng 5G thông qua các trạm BTS sẽ được các nhà đầu tư thứ cấp nghiên cứu cụ thể với các trạm phủ sóng bán kính 250 - 300 m.

e) Đánh giá môi trường chiến lược: Tuân thủ theo quy định Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

8. Danh mục công trình ưu tiên đầu tư:

Tập trung ưu tiên đầu tư hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo quy hoạch: nhà trẻ mẫu giáo, trường học, công viên cây xanh và thể dục thể thao phục vụ nhu cầu của người dân khi dự án vào hoạt động.

9. Quy định quản lý: Ban hành quy định quản lý kèm theo đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư theo quy hoạch 92,2 ha tại xã Long Đức, huyện Long Thành gồm: 03 Chương và 20 Điều.

10. Tổ chức thực hiện, nguồn vốn thực hiện:

a) Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất Động Sản Hà An.

b) Nguồn vốn thực hiện dự án: Vốn chủ sở hữu, vốn khác.

Điều 2. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, UBND huyện Long Thành, UBND xã Long Đức, Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất Động Sản Hà An, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm:

1. Công bố công khai cho nhân dân và các đơn vị kinh tế xã hội có liên quan trên địa bàn về nội dung quy hoạch, cùng nghiêm chỉnh thực hiện theo quy hoạch đã phê duyệt.

2. Căn cứ nội dung quy hoạch được duyệt, UBND huyện Long Thành chuyển các mốc giới theo nội dung quy hoạch ra thực địa, cùng UBND xã Long Đức quản lý xây dựng theo đúng hồ sơ đã được duyệt.

3. Căn cứ vào quy hoạch được duyệt, chủ đầu tư thực hiện việc đầu tư xây dựng các hạng mục theo quy định hiện hành, tổ chức lập hồ sơ thiết kế cơ sở và thiết kế kỹ thuật trình cấp thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức thi công các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch.

4. Khi bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật cần liên hệ với các chuyên ngành: giao thông, cấp nước, cấp điện, bưu chính viễn thông, phòng cháy chữa cháy, ... để xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp với hệ thống đầu nổi hạ tầng chung tại khu vực.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Công an tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Long Thành, Chủ tịch UBND xã Long Đức, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *m*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Chánh, Phó Văn phòng (KTN);
 - Lưu: VT, KTN, Tan.
- <D:\2020\Long Thành\QHCT>



Cao Tiến Dũng